

Bản án số: 48/2024/HS-PT

Ngày 28 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Võ Văn Vinh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Hiếu - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 59/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 05 năm 2024 đối với Nguyễn Văn T và Điều C1 do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 19-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện T5.

Các bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: C), sinh năm 1992 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: Số 183, Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn T1 (Nguyễn Đình T2, Nguyễn Văn T1) (đã chết) và bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1964. Nhân thân: ngày 29/11/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự, đã chấp hành xong hình phạt và đã xóa án tích. Ngày 20/8/2021, bị Công an huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác”, tại Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 63/QĐ-XPHC; chưa thi hành số tiền 1.500.000 đồng nhưng Công an huyện B không có quyết định cưỡng chế, hiện nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định nên chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 10/10/2023 đến ngày 19/10/2023 chuyển tạm giam - có mặt.

Điều C1, sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Nông; nơi đăng ký thường trú: Bon C3, xã H2, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: M'Nông; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Điều C4, sinh năm 1977 và bà Thị L sinh năm 1981; có vợ là Thị D, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 10/10/2023 đến ngày 19/10/2023 chuyển tạm giam - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kế hoạch tổng rà soát, thống kê, lập hồ sơ quản lý người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 10/10/2023, Công an huyện T5 phối hợp với Công an xã Đ1 mời tất cả những người có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy trong đó có Nguyễn Văn T, Điều C1, Điều T4 và Mông Văn X đến làm việc. Tại Công an xã Đ1, T, C1, Thiệp và X đã khai nhận vào tối ngày 09/10/2023 có sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà Điều C1 thuộc bon P, xã Đ1, huyện T5, tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

Sáng ngày 09/10/2023, C1, T, T4 và X cùng uống rượu tại nhà Điều N, thuộc bon P, xã Đ1, huyện T5. Quá trình uống rượu, T thông báo với C1, X, T4 sẽ đi tỉnh Bình Phước mua ma túy về sử dụng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 93F1-678.79 đi xuống thành phố Đ3, tỉnh Bình Phước bán xe cho đối tượng tên P (chưa xác định nhân thân lai lịch) được số tiền 7.000.000 đồng, đồng thời T nhờ và đưa P 400.000 đồng mua giúp ma túy thì P đồng ý. P mua và giao cho T 01 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong chứa ma túy, T cất ma túy vào túi quần rồi đón xe khách về xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau đó, T gọi điện thoại cho C1 ra đón chở về nhà C1, T đưa ma túy cho C1 cất giữ rồi đi chơi bida. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T, T4, X lần lượt đến nhà C1. Tại đây, T nói C1 lấy ma túy ra để cho T4 và X cùng sử dụng thì C1 đồng ý. C1 lấy ma túy đổ vào nỏ thủy tinh, rồi bỏ trên lửa; C1 sử dụng đầu tiên rồi đến T, T4 và X. Cả bốn người luân phiên nhau sử dụng đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì hết ma túy.

Kết quả xét nghiệm bằng que loại One Step Rapid Test nhanh bằng nước tiểu, xác định: C1, T, T4 và X dương tính với ma túy nên Công an huyện T5 tiến hành lập biên bản vụ việc. Thu giữ đồ vật gồm: 01 hộp nhựa; 01 nỏ thủy tinh (trong nó có bám dính cặn), 01 nắp chai, 01 đoạn ống hút màu xanh, 04 đoạn ống hút màu hồng, 01 chai nhựa nhãn hiệu Sting bên trong chứa 01 đầu lọc thuốc lá. Tại Kết luận giám định số 385/KL-KTHS ngày 13/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận: Chất rắn màu trắng bám dính

trong nỏ thủy tinh được niêm phong trong bì thư gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 24/CT-VKS-TĐ ngày 21-3-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: C) và Điều C1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 19-4-2024 của Toà án nhân dân huyện T5 quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Điều C1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 10/10/2023. Xử phạt bị cáo Điều C1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 10/10/2023.

Ngày 22-4-2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 kháng nghị đề nghị: Tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Điều C1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận Tòa án nhân dân huyện T5 xử phạt các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, với mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo là chưa đủ nghiêm khắc Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Điều C1 là có căn cứ bởi vì thứ nhất hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm đã xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về chất ma túy, bản thân bị cáo T, bị cáo C1 là đã từng sử dụng trái phép chất ma túy mà còn rủ thêm các đối tượng khác có người chưa đủ tuổi thành niên. Trong vụ án này bị cáo T là người khởi xướng tích cực rủ bị cáo C1 và 02 đối tượng khác sử dụng ma túy, bị cáo T trực tiếp xuống Bình Phước cầm xe máy lấy tiền sau đó mua ma túy về sử dụng mặt khác bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về hành vi “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” nhưng không lấy đó làm bài học để chấp hành các quy định và tôn trọng pháp luật và 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi “*Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác*”. Đối với bị cáo Điều C1 khi bị cáo T mua ma túy về thì bị cáo C1 đã cất giấu trong nhà đồng thời bị cáo C1 đã cung cấp các dụng cụ và thao tác để mọi người cùng sử dụng. Như vậy bị cáo C1 cũng có vai trò cất giấu chuẩn bị công cụ địa điểm cùng bị cáo T tổ chức cho T4 và X cùng sử dụng. Thứ hai về hình phạt là chưa tương xứng với tính chất, hậu quả. Các bị cáo nhân thức rõ, đầy đủ việc sử dụng trái phép chất ma túy là trái pháp luật và tổ chức cho người

khác sử dụng. Trong vụ án này đối tượng T4 lần đầu tiên sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, lôi kéo làm tăng tỉ lệ người nghiện ma túy ảnh hưởng đến tương lai của người khác trong vụ án này đối tượng T4 là người chưa thành niên kéo thêm nhiều hệ lụy cho xã hội phát sinh những loại tội phạm khác gây ảnh hưởng lớn đến trật tự xã hội đặc biệt trên địa bàn huyện Tuy Đức nơi tình hình diễn biến về ma túy rất phức tạp. Các bị cáo phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng “*phạm tội đối với 02 người trở lên*” và “*đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 07 năm tù đến 15 năm tù các bị cáo phạm tội với 02 tình tiết định khung, bị cáo T có nhân thân xấu, các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ nhưng cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt, bị cáo T 08 năm tù, bị cáo C1 07 năm 06 tháng tù là nhẹ và chưa phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, do vậy cần xem xét tuyên mức hình phạt tương xứng với tình chất hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 335, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 sửa bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù, xử phạt bị cáo Điều C1 từ 08 năm tù đến 08 năm 03 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát để đảm bảo giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 19-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện T5 đã kết án các bị cáo Nguyễn Văn T và Điều C1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T5, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (*tám*) năm tù và bị cáo Điều C1 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả do các bị cáo gây ra bởi lẽ ma túy là một hiểm họa đối với mọi người là con đường dẫn đến các hành vi phạm tội khác, mọi hành vi liên quan đến ma túy đều phải bị pháp luật xử lý một cách nghiêm khắc. Bị cáo Nguyễn Văn T và Điều C1 mặc dù biết ma túy là chất cấm nhưng vẫn tổ chức cho Điều T4 (sinh ngày 02/12/2006) và Mông Văn X sử dụng trái phép chất ma túy. Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia nên cần phải xét vai trò của

từng bị cáo đề đưa ra mức hình phạt phù hợp với hành vi của từng bị cáo, bị cáo T là người khởi xướng trực tiếp đi Bình Phước cầm cố xe mô tô của mình và sử dụng 400.000 đồng để mua ma túy còn bị cáo C1 là người thực hành, giúp sức tích cực sau khi T đi mua ma túy về đến xã Q, huyện Đ thì C1 là người ra đón T về nhà mình tại xã Đ1, sau đó đã cất giữ ma túy giúp T và cung cấp dụng cụ, địa điểm là nhà mình để cùng T tổ chức cho T4 và X sử dụng ma túy. Hành vi của Nguyễn Văn T và Điều C1 tổ chức cho Điều T4 và Mông Văn X sử dụng trái phép chất ma túy đã đủ yếu tố cấu thành tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự “*đối với hai người trở lên*”. Ngoài ra, Điều T4(sinh ngày 02/12/2006) là người chưa đủ 18 tuổi nên các bị cáo phải chịu thêm tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự “*đối với người từ đủ 13 đến dưới 18 tuổi*”, trong khi khung hình phạt tại khoản 2 Điều 255 là từ 07 năm đến 15 năm tù, hành vi của T và C1 là rất nguy hiểm, làm tăng số người nghiện ma túy đồng thời kéo theo các tội phạm khác có thể gia tăng qua đó làm cho tình hình an ninh, trật tự xã hội mất ổn định đặc biệt trên địa bàn huyện nghèo, huyện biên giới như huyện T5. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” và bị Công an huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác*” bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T5, xem xét tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Điều C1.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T5 đối với Bản án sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 19-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện T5, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (*tám*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 10/10/2023.

Xử phạt bị cáo Điều C1 07 (*bảy*) năm 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 10/10/2023.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- CQCSĐT Công an huyện Tuy Đức;
- CQTHAHS Công an huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Hương